| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ DĨ AN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Chu Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Lệ Chi.

2. Bà Trần Thị Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị D, sinh năm: 1980; thường trú: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh N; địa chỉ liên hệ: Số 438 Ng, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn S, sinh năm: 1973; địa chỉ: Số 818/5 khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Cao Thị D trình bày:* Bà và ông S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01 ngày 14/3/2001. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã nhiều lần tạo cơ hội cho nhau để cùng nhau thay đổi và hòa

hợp nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2021. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 (bốn) con chung gồm: Hoàng Thị Ngọc Á, sinh ngày 11/01/2001; Hoàng Thị Kim J, sinh ngày 27/9/2002; Hoàng Cao Mai U, sinh ngày 18/5/2010 và Hoàng Cao Thảo Ng, sinh ngày 16/4/2012. Bà D yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung tên Hoàng Cao Mai U và Hoàng Cao Thảo Ng và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Các con chung tên Hoàng Thị Ngọc Á, sinh ngày 11/01/2001 và Hoàng Thị Kim J, sinh ngày 27/9/2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Hoàng Văn S đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01 ngày 14/3/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà D xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Tình cảm vợ chồng phai nhạt, cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng nên từ năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông S.

[3] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh, trước khi thụ lý vụ án bà D và ông S không ai có đơn đề nghị hòa giải tại cơ sở.

[4] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt,

xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Bà D xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, phát sinh trong thời gian dài không hàn gắn được. Ông S đã được Tòa án triệu tập làm việc, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà D và ông S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà D yêu cầu được ly hôn với ông S là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà D xác định quá trình chung sống vợ chồng có 04 (bốn) con chung gồm: Hoàng Thị Ngọc Á, sinh ngày 11/01/2001; Hoàng Thị Kim J, sinh ngày 27/9/2002; Hoàng Cao Mai U, sinh ngày 18/5/2010 và Hoàng Cao Thảo Ng, sinh ngày 16/4/2012. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho ba hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, ông S được Tòa án triệu tập nhưng đều vắng mặt, không có ý kiến về con chung, không cung cấp chứng cứ chứng minh ông có việc làm, có thu nhập và có mong muốn nuôi con. Các cháu U, Ng hiện chưa thành niên và đều có mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của con chưa thành niên, Tòa án giao cháu U và cháu Ng cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu U và cháu Ng. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của bà D nên Tòa án ghi nhận.

[5] Đối với các con chung tên Hoàng Thị Ngọc Á, sinh ngày 11/01/2001 và Hoàng Thị Kim J, sinh ngày 27/9/2002 hiện đã đủ tuổi tưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Cao Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 3, 17, 18, 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị D đối với ông Hoàng Văn S về việc ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị D được ly hôn với ông Hoàng Văn S. (Giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cấp ngày 14/3/2001).

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Hoàng Cao Mai U, sinh ngày 18/5/2010 và Hoàng Cao Thảo Ng, sinh ngày 16/4/2012 cho bà Cao Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Cao Thị D về việc không yêu cầu ông Hoàng Văn S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu U và cháu Ng.

Sau ly hôn, bà D và ông S đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp ông S lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc bà D nuôi con thì bà có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của các con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Các con chung tên Hoàng Thị Ngọc Á, sinh ngày 11/01/2001 và Hoàng Thị Kim J, sinh ngày 27/9/2002 đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006178, ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Vân**